

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Vũ Thị Luyến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Văn Thành

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:**  
Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 06/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Nông Thị T**, sinh năm 1990;

ĐKKHKT: Khu dân cư số 3, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Chung cư B, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

*Bị đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

*Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; Vắng mặt

- Bà Đồng Thị Q và ông Lê Văn L, sinh năm 1952; Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn Nông Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/8/2011 tại UBND phường B, thị xã C (Nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng ở Khu 3 – B - C - Hải Dương. Ban đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều

mâu thuẫn bắt đầu từ khi mang thai cháu đầu được khoảng 02 tháng thì bị chết lưu. Tiếp đó, chị T sinh con được 03 tháng, bị bệnh máu trắng nên đã mất. Kể từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng trở lên lạnh nhạt, anh H đi làm xa, chị ở nhà với bố mẹ chồng nên nhiều khi không hoà hợp nên chị đã chuyển lên ở với mẹ đẻ tại Hà Nội và anh H ra ở cùng chị. Năm 2017, bố đẻ chị bị bệnh, phải điều trị nên chị đã vay tiền nhiều người, anh H không giúp đỡ, mà còn có lời nói xúc phạm tới chị và gia đình chị. Ngoài ra, chị còn nghi ngờ anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Kể từ đó, vợ chồng chị đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm tới nhau. Nhiều lần chị đề nghị ly hôn với anh H nhưng anh H không đồng ý, còn có lời nói đe dọa sẽ giết chị với lý do anh H vẫn còn tình cảm với chị nên không đồng ý ly hôn. Nhưng thực tế, anh H và chị không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm tới ai, kinh tế độc lập. Chị xác định vợ chồng ly thân được 04 năm. Nay chị xác định không thể chung sống với anh H được nữa, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể níu kéo được nữa, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Bảo Đ, sinh ngày 21/01/2015. Hiện nay anh H đang nuôi dưỡng cháu Đ. Trước đây, do cháu Đ còn nhỏ nên chị không biết quan điểm của cháu Đ. Nay, cháu Đ đã đủ 7 tuổi, cháu đã có quan điểm về việc muốn ở với bố hay mẹ, nên nguyện vọng của chị sẽ đồng ý với nguyện vọng ở với bố hay mẹ của cháu Đ. Nếu cháu Đ có nguyện vọng ở với chị thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung và ngược lại nếu cháu Đ có nguyện vọng ở với anh H thì chị đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị T xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

*Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn Lê Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/8/2011. Sau khi cưới, anh tiếp tục làm việc trên Hà Nội, còn chị T ở chung với bố mẹ đẻ anh ở tại khu 3 – B – Ch – Hải Dương cho đến năm 2012, chị T lên ở trọ cùng mẹ đẻ chị T ở Hà Nội thì anh chuyển ra ở cùng. Vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2018, khi chị T xin làm việc tại công ty ở Vĩnh Phúc. Chị T giấu anh về tên, địa chỉ công ty, nơi ở của chị T. Khi anh hỏi nhiều thì chị T cắt đứt liên lạc với anh. Sau đó, anh thấy chị T chụp ảnh có khoác vai với một người đàn ông khác nên anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính. Đến tháng 4/2018, chị T mới liên lạc lại với anh để cùng về thăm con. Sau đó, anh và chị T cũng không liên lạc với nhau nữa. Anh không nói gì về cuộc sống hôn nhân với gia đình hai bên vì anh muốn động viên,

nú kéo chị T quay lại. Chị T đã nhiều lần đề nghị ly hôn, nhưng anh đều không đồng ý và mong muốn chị T về đoàn tụ. Chị T đã nhiều lần rút đơn, nhưng anh và chị T vẫn không liên lạc gì với nhau, không quan tâm chăm sóc tới nhau và gia đình hai bên. Sau đó, chị T tiếp tục nộp đơn ly hôn, anh và chị chỉ gặp nhau tại Toà án, gia đình hai bên đã nói chuyện tại Toà án, gia đình anh vẫn mong muốn chị T suy nghĩ về đoàn tụ, nhưng mẹ chị T đồng ý để cho chị T ly hôn với anh. Anh thấy chị T không còn muốn về đoàn tụ và anh cũng không có biện pháp nào khác để thuyết phục chị T về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Bảo Đ, sinh ngày 21/01/2015. Hiện nay anh H đang nuôi dưỡng cháu Đ. Nay ly hôn, anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Cháu Lê Bảo Đ trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn được ở cùng với bố H và ông bà nội.

*Người làm chứng :*

Ông Lê Văn L và bà Đồng Thị Q trình bày: Ông bà là bố mẹ của anh Lê Văn H còn chị T là vợ anh H tức là con dâu của ông bà. Quá trình anh chị chung sống mâu thuẫn như thế nào ông bà không rõ. Chỉ biết đến đầu năm 2018, chị T có nhờ ông bà làm hộ các giấy tờ để xin việc và thỉnh thoảng chị T có gọi điện về. Chỉ được khoảng 04 tháng thì không thấy chị T gọi điện về và cũng không thấy về nhà ông bà nữa. Ông bà có hỏi thì anh H chỉ nói vợ chồng có xảy ra trục trặc, nhưng không rõ nguyên nhân. Khi T làm đơn xin ly hôn anh H cũng không nói chuyện với ông bà, cũng không nhờ ông bà hòa giải, chị T đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn, gia đình cũng đã khuyên bảo cả hai, nhưng đều không có kết quả, nên chị T và anh H có ly hôn hay không là do anh chị tự quyết định. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Lê Bảo Đ. Cháu Đ ở cùng ông bà từ khi còn nhỏ cho đến nay, nếu anh chị ly hôn ông bà mong muốn được tiếp tục trông nom chăm sóc cháu nên đề nghị Tòa án giao con cho anh H nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị T, sau khi chị T kết hôn cùng anh H thì về gia đình nhà chồng sinh sống. Quá trình ở chung với bố mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ chồng nên đến năm 2012, chị T đã lên trên Hà Nội ở chung với bà. Do anh H đi làm xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nên tình cảm vợ chồng cũng trở nên lạnh nhạt. Bà cũng đã động viên chị T vì con nên giữ hạnh phúc gia đình. Đến cuối năm 2017, chị T đã vay nhiều tiền để chữa trị bệnh cho bố đẻ, nhưng anh H không giúp đỡ gì. Giữa năm 2018, anh H ghen tuông khi cho rằng chị T không

chung thủy, đã dùng nhiều từ ngữ xúc phạm đe dọa nên vợ chồng giận nhau ngày càng căng thẳng. Đến năm 2019, tại buổi giỗ chồng bà, chị T có nói mâu thuẫn của vợ chồng và đề nghị ly hôn thì anh H không đồng ý và đã chửi bới, đe dọa. Sau đó, chị T đã nhiều lần nộp đơn ly hôn, nhưng anh H không đồng ý mà còn nhắn tin xúc phạm tới bà. Nay anh H, chị T đã ly thân 04 năm, tình cảm không thể hàn gắn nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và chị T được ly hôn. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Lê Bảo Đ. Nếu anh H và chị T ly hôn thì anh chị tự quyết định về con chung.

Ông Nguyễn Duy L - Trưởng khu dân cư số 3, phường B trình bày: Anh H, chị T sau khi kết hôn chung sống cùng nhau tại khu dân cư số 3 được khoảng vài tháng thì đã chuyển lên Hà Nội ở và có 01 con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, ông không nắm được cụ thể như thế nào vì chưa bao giờ nhận được yêu cầu của gia đình đề nghị tổ chức hòa giải mâu thuẫn của anh chị.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh H; Về con chung: Giao con chung là Lê Bảo Đ, sinh ngày 21/01/2015 cho anh Lê Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/8/2011. Chị T trình bày: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, do có khó khăn về con nên tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Ngoài ra, chị còn có mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Sau khi chị chuyển lên Hà Nội ở cùng mẹ đẻ, anh H không quan tâm, cuộc sống không hạnh phúc. Năm 2017, bố chị bị bệnh, anh H không giúp đỡ, hỗ trợ tiền cùng với chị, mà còn có lời nói xúc phạm tới chị và gia đình. Chị đi làm tại Vĩnh Phúc thì anh H nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Khi đề nghị ly hôn, anh H có lời nói đe dọa, xúc phạm tới chị T. Chị đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn, anh H đều không đồng ý, nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cũng không liên lạc, gặp gỡ nhau. Anh H trình bày quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi chị T đi làm việc tại Vĩnh Phúc đã không cung cấp địa chỉ công ty, nơi ở của chị T. Đến tháng 5/2018, anh có nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính nên anh bảo chị T nghỉ việc về nhà chăm con nhưng chị T đã cắt đứt liên lạc với anh từ đó đến nay. Khi chị T nộp đơn ly hôn không nói gì với anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp gì. Vợ chồng đã ly thân được khoảng 04 năm. Chị T đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn và rút đơn để anh chị tìm cách khắc phục nhưng đều không có kết quả. Tòa án và gia đình đã nhiều lần hoà giải, động viên, nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, còn anh H không đưa ra giải pháp khắc phục. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn của chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T ly hôn anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Lê Bảo Đ, sinh ngày 21/01/2015. Hiện nay cháu Đ đang ở với anh H và ông bà nội. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Chị T đồng ý với nguyện vọng của cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T, anh H và cháu Đ đều có nguyện vọng để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ nên cần chấp nhận giao cháu Đ cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H vì anh H không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh H đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nông Thị T ly hôn anh Lê Văn H.
2. Về con chung: Giao con chung là Lê Bảo Đ, sinh ngày 21/01/2015 cho anh Lê Văn H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
3. Án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh theo biên lai số AA/2020/0002976 ngày 13 tháng 4 năm 2022. Chị Thúy đã thi hành xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. Chí Linh;
- Đường sự;
- UBND phường B;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Luyện**